

**Phụ lục 01**

**CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2024**

*(Kèm theo Báo cáo số 385 /BC-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Tên văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu văn bản
<b>I</b>	<b>Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy ban hành</b>			
1	Công văn	1191-CV/TU	16-01-2024	Về việc tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ IV năm 2024
2	Công văn	1259-CV/TU	24-04-2024	Về việc nội dung tổ chức Đại hội đại biểu các DTTS lần thứ IV năm 2024
3	Công văn	1386-CV/TU	09-09-2024	Về việc chủ trương tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ IV năm 2024
4	Công văn	6989-CV/TU	07-10-2024	Về việc phân công tham gia Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum lần thứ IV năm 2024
5	Công văn	1260-CV/TU	24-04-2024	về việc hoàn thiện dự thảo Chỉ thị về giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh
<b>II</b>	<b>Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>			
1	Nghị quyết	52/NQ-HĐND	11-07-2024	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
2	Nghị quyết	53/NQ-HĐND	12-07-2024	Về điều chỉnh kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, năm 202
3	Nghị quyết	54/NQ-HĐND	13-07-2024	Về phân bổ chi tiết vốn đối ứng từ ngân sách địa phương năm 2024 thực hiện các dự án đầu tư cấp tỉnh quản lý thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia
4	Nghị quyết	63/NQ-HĐND	26-09-2024	Về việc điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, năm 2023, năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
<b>II</b>	<b>Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành</b>			
1	Quyết định	52/QĐ-UBND	26-01-2024	Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Dân tộc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc trên địa bàn tỉnh

STT	Tên văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu văn bản
2	Quyết định	14/2024/QĐ-UBND	19-02-2024	Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình được áp dụng cơ chế
3	Quyết định	314/QĐ-UBND	30-05-2024	Kiến toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025
4	Quyết định	309/QĐ-UBND	29-05-2024	Thành lập các Đoàn kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các địa phương của tỉnh Kon Tum năm 2024
5	Quyết định	388/QĐ-UBND	10-06-2024	Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội dân tộc có khó khăn đặc thù (Dân tộc Rơ Măm) trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025
6	Quyết định	418/QĐ-UBND	17-07-2024	Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC lĩnh vực dân tộc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Dân tộc trên địa bàn tỉnh
7	Kế hoạch	255/KH-UBND	23-01-2024	Tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum lần thứ IV, năm 2024
8	Kế hoạch	570/KH-UBND	19-02-2024	Kế hoạch thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024
9	Kế hoạch	808/KH-UBND	12-03-2024	Kiểm tra Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum
10	Kế hoạch	1961/KH-UBND	05-06-2024	Hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024
11	Kế hoạch	1558/KH-UBND	06-06-2024	Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình
12	Quy chế	4626/QCPH-UBND-MTTQ	29-12-2023	Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh
13	Công văn	254/UBND-KGVX	23-01-2024	V/v triển khai Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác dân tộc trên địa
14	Công văn	313/UBND-KGVX	25-01-2024	V/v công nhận người có uy tín và thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh
15	Công văn	835/UBND-KGVX	13-03-2024	Về việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024
16		1040/UBND-KGVX	28-03-2024	V/v tiếp tục triển khai Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm

STT	Tên văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu văn bản
17	Công văn	1438/UBND-KGVX	25-04-2024	V/v tiếp tục triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
18	Công văn	2008/UBND-KGVX	10-06-2024	V/v tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và tổ chức Đoàn đại biểu người có uy tín đi học tập kinh nghiệm
19	Công văn	2219/UBND-KGVX	25-06-2024	V/v thực hiện các nội dung, dự án có hỗ trợ vốn cho người dân thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia
20	Công văn	2230/UBND-KGVX	25-06-2024	tăng cường các giải pháp giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh
21	Công văn	2305/UBND-KGVX	01-07-2024	V/v điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024 và xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng kết quả điều tra
22	Công văn	2625/UBND-KGVX	24-07-2024	Về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh
23	Công văn	6017/VP-KGVX	19-08-2024	về việc rà soát, cập nhật, bổ sung danh sách xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới
24	Công văn	số 5710/VP-KGVX	07-08-2024	về việc điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025
25	Công văn	số 3106/UBND-KGVX	30-08-2024	V/v tham mưu các chính sách cho người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
26	Công văn	số 3077/UBND-KGVX	31-08-2024	V/v tăng cường công tác bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng, lễ hội truyền thống, dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum
27	Công văn	số 3222/UBND-KGVX	11-09-2024	V/v chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ IV năm 2024
28	Công văn	số 3224/UBND-KGVX	12-09-2024	V/v cập nhật và công khai danh sách các xã khu vực II, khu vực III giai đoạn 2021- 2025 vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới
29	Công văn	số 3333/VP-KGVX	19-09-2024	V/v triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá của Ủy ban dân tộc về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại tỉnh Kon Tum
30	Công văn	số 3384/VP-KGVX	23-09-2024	V/v tăng cường thực hiện đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện chương trình
31	Công văn	851/UBND-KGVX	14-03-2024	V/v tăng cường công tác triển khai thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS trên địa bàn tỉnh Kon Tum

STT	Tên văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu văn bản
32	Công văn	3671/UBND-KGVX	14-10-2024	V/v thực hiện chính sách cấp ấn phẩm báo, thăm hỏi người có uy tín dịp Tết hoặc Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số

**Phụ lục 02****CÁC CHỈ SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Báo cáo số 385 /BC-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Chỉ số (Xác định đối với địa bàn vùng DTTS&MN)	Đơn vị tính	Số liệu đầu giai đoạn	Kế hoạch đến 2025	Kết quả thực hiện		Ghi chú
					Thời điểm báo cáo	Dự kiến 31/12/2024	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Số xã vùng III (đặc biệt khó khăn) thuộc vùng DTTS&MN	Xã	52	25	13	20	Xã thoát diện ĐBKK
2	Số thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS&MN	Thôn	371	186	48	67	Thôn thoát diện ĐBKK
3	Dân số DTTS trên địa bàn	Người					
4	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Tr. Đồng/ người/năm					
5	Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%	18,76	3-4%/năm	12,45	9,45	>3%/năm
6	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100	100	100	100	100%
7	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%	76	70	82	84	70%
8	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%	49,40%	100%	55,80%	60%	100%
9	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	99	100	100	100	100%
10	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	99,3	99,9	99,8		99%
11	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	85,0	90,0	88,9	89,2	90%
12	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	83	100	92	92	100%
13	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	83	100	92	92	100%
14	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	99,8%	99,9%	100,0%	100,0%	>98%
15	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	99,6%	99,9%	99,9%	99,9%	>97%
16	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	92,0%	96,6%	95,5%	96,0%	>95%
17	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường	%	38,0%	40,0%	54,2%	55,0%	>60%
18	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	91,1%	95,0%	92,2%	93,0%	>90%
19	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	%			85,25%		98%
20	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ)	%	-	75	80,5	80,5	>80%

TT	Chỉ số (Xác định đối với địa bàn vùng DTTS&MN)	Đơn vị tính	Số liệu đầu giai đoạn	Kế hoạch đến 2025	Kết quả thực hiện		Ghi chú
					Thời điểm báo cáo	Dự kiến 31/12/2024	
21	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế	%	-	90	82,7	90	>80%
22	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	19,6	<17	16,9	16,8	<15%
23	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	55,7	60	58,5	58,5	50%
24	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	717/756	756/756	736/756	736/756	80%
25	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	531/756	108	58	80	50%
26	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị các cấp	% Đạt/ Không			Đạt		
	- Cấp tỉnh				36,00%		3-20%
	- Cấp huyện				27,98%		5-35%
	- Cấp xã				47,50%		10-50%
27	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS giữ các chức đanh lãnh đạo, quản lý	% Đạt/ Không			Đạt		
	- Cấp tỉnh				21%		>=10%
	- Cấp huyện				15,31%		>=20%
	- Cấp xã				46,82%		>=30%